

BÀI 3. THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

– Nêu được một số khái niệm: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, âm lịch, dương lịch, Công lịch, trước Công nguyên, Công nguyên, dương lịch, âm lịch,...; cách tính thời gian trong lịch sử.

– Biết cách đọc, ghi các mốc thời gian trong lịch sử.

2. Về kĩ năng, năng lực

Biết vận dụng cách tính thời gian trong học tập lịch sử; vẽ được biểu đồ thời gian, tính được các mốc thời gian.

3. Về phẩm chất

Tiếp tục bồi dưỡng phẩm chất trung thực, chăm chỉ và trách nhiệm.

II CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

– Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
– Một số tranh ảnh được phóng to, một số mẩu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

– SGK.

– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

– GV cần lưu ý những định hướng về nội dung và phương pháp như trong bài trước để đảm bảo yêu cầu cần đạt, cũng như đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực cho HS của Chương trình.

– Việc xác định thời gian là một trong những yêu cầu bắt buộc của khoa học lịch sử. Bởi vì lịch sử diễn biến theo thời gian, có sự kiện xảy ra trước, có sự kiện sau. Vì vậy phải xác định được thời gian xảy ra sự kiện mới có thể sắp xếp các sự kiện theo trình tự trước sau, mới thấy được quá trình thay đổi, phát triển của sự việc. Do đó, từ xa xưa loài người đã rất quan tâm và phát minh ra nhiều cách tính thời gian khác nhau: đồng hồ, phép làm lịch,...

– Trước kia mỗi khu vực, thậm chí mỗi dân tộc có cách tính thời gian khác nhau. Nhưng nhìn chung nhất có loại lịch cơ bản, dựa trên cơ sở chu kì quay của Mặt Trăng quanh Trái Đất hay chu kì quay của Trái Đất quanh Mặt Trời. Từ đó hình thành nên âm lịch và dương lịch. Đến khoảng thế kỉ XVI, do nhu cầu giao lưu, buôn bán toàn cầu phát triển, người ta cần một cách tính lịch chung cho toàn thế giới. Các nhà làm lịch đã cải tiến, hoàn thiện dương lịch và lấy năm Chúa Giê-su ra đời làm năm 1 Công nguyên, gọi là Công lịch.

– Dựa trên Công lịch hình thành các khái niệm trước Công nguyên, Công nguyên, thiên niên kỉ, thế kỉ, ... và cách tính, đổi giữa các năm âm lịch và dương lịch. Ở Việt Nam, thời phong kiến dùng âm lịch (hay còn gọi là nông lịch). Người Việt bắt đầu biết đến dương lịch từ khi tiếp xúc với các giáo sĩ Thiên chúa giáo châu Âu. Ngày nay, Công lịch được sử dụng chính thống trong các văn bản và cơ quan nhà nước, còn trong nhân dân vẫn dùng cả âm lịch. Vì vậy trên các tờ lịch đều có ghi cả hai ngày Công lịch và âm lịch.

IV GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu

– GV có thể gợi ý để HS đưa ra các nhận xét khi quan sát tờ lịch: Trên tờ lịch có ghi hai ngày khác nhau, ở góc phải còn ghi thêm: ngày Quý Sửu, tháng Bính Thân, năm Tân Sửu.

– Sau đó, GV đặt câu hỏi: *Vì sao lại như vậy?* (Đó là cách tính và ghi thời gian trên tờ lịch theo cả ngày âm lịch và Công lịch). HS có thể trả lời đúng, hoặc không đúng những câu hỏi mà GV nêu ra, điều đó không quan trọng. Dựa vào đó, GV dẫn dắt HS vào bài học mới: *Thời gian trong lịch sử.*

2. Hình thành kiến thức mới

Mục 1. Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

a) Nội dung chính

– Việc sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian là một trong những yêu cầu bắt buộc của khoa học lịch sử, nhằm dựng lại lịch sử một cách chân thực nhất. Các sự kiện lịch sử bao giờ cũng xảy ra theo trình tự thời gian: có sự kiện xảy ra trước, có sự kiện sau. Vì thế muốn phục dựng lại quá khứ theo đúng những gì đã diễn ra, phải xác định được trình tự thời gian diễn ra của các sự kiện. Đồng thời, việc xác định thời gian của các sự kiện còn giúp ta biết

được sự kiện đó đã xảy ra cách đây bao lâu (tính chất cổ xưa của nó) để thấy được giá trị cũng như những hạn chế của nó. Ví dụ: Một hiện vật càng cổ thì càng có giá trị, nhưng hiện vật cổ lại không thể đẹp hoàn mỹ như hiện đại,...

– Để đo đếm được thời gian, ta cần biết cách tính thời gian. Để tính được thời gian từ xưa loài người đã sáng tạo ra nhiều loại công cụ như đồng hồ nước (dùng một cái bình có vạch chia khoảng cách, cho nước chảy nhỏ giọt vào bình đến vạch nào đó là chỉ mấy giờ trong ngày), đồng hồ cát (nguyên tắc cũng như đồng hồ nước), đồng hồ đo bằng ánh sáng mặt trời (dùng một cái mâm tròn, trên có kẻ nhiều đường tròn đồng tâm, dùng một cái que gỗ cắm ở giữa mâm rồi để ra ngoài ánh nắng mặt trời. Bóng của cái que chỉ đến vạch vòng tròn nào đó là chỉ mấy giờ trong ngày).

b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

– *Hình 2a. Đồng hồ cát:* có hai bình thông nhau, trên thân bình có chia nhiều vạch. Đổ cát vào một bình, cho chảy từ từ xuống bình thứ hai và xác định giờ dựa trên cát chảy đến từng vạch.

– *Hình 2b. Đồng hồ nước* cũng có nguyên tắc hoạt động tương tự như đồng hồ cát.

– *Hình 2c. Đồng hồ mặt trời:* có một cái mâm tròn, trên đó vẽ nhiều vòng tròn đồng tâm. Dùng một que gỗ cắm ở giữa mâm rồi để ra ngoài ánh nắng mặt trời. Bóng của cây que đến vòng tròn nào thì xác định được lúc đó là mấy giờ.

c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– GV có thể ra bài tập nhỏ cho HS: *Hãy lập đường thời gian những sự kiện quan trọng của cá nhân em trong khoảng hai năm gần đây*

+ GV gợi ý: Đường thời gian đó chính là lịch sử phát triển của cá nhân em trong thời gian năm năm: sự kiện nào diễn ra trước, sự kiện nào diễn ra sau,...). Từ đó có thể cho HS ôn lại kiến thức cũ: Lịch sử là quá trình thay đổi của sự vật theo thời gian và trả lời câu hỏi: *Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?*

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được việc xác định thời gian là một trong những yêu cầu bắt buộc của khoa học lịch sử.

– GV nhấn mạnh: Để tính được thời gian, từ xa xưa loài người đã rất quan tâm và phát minh ra nhiều dụng cụ để tính thời gian khác nhau. Ví dụ: phát minh ra đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ mặt trời,...

– Để giúp HS mở rộng hiểu biết về các dụng cụ tính thời gian này của người xưa, GV có thể cho HS trình bày hiểu biết của mình (cá nhân/nhóm HS), rồi giới thiệu sơ lược về một số dụng cụ như hướng dẫn trong mục b ở trên. Có thể mở rộng cho HS kể thêm một số cách tính thời gian khác mà các em biết.

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được vì sao phải xác định được thời gian trong lịch sử: muốn hiểu và phục dựng lại lịch sử, cần sắp xếp tất cả sự kiện theo đúng trình tự. Đây là một yêu cầu bắt buộc của khoa học lịch sử. HS kể được một số cách xác định thời gian của người xưa (cả trong SGK và thông tin mà các em tìm kiếm thêm).

Mục 2. Cách tính thời gian trong lịch sử

a) Nội dung chính

Từ rất xa xưa, do nhu cầu ghi chép và sắp xếp các sự việc theo thứ tự thời gian nên từ xa xưa con người đã nghĩ ra cách làm lịch. Người Ai Cập, Lưỡng Hà hay Trung Quốc cổ đại và một số dân tộc phương Đông khác thì tính theo âm lịch, còn người La Mã, người da đỏ ở châu Mỹ và nhiều tộc người ở châu Âu thì lại theo dương lịch. Có sự khác nhau đó là do mỗi dân tộc lại dựa vào chu kì quay của Mặt Trăng hay Mặt Trời để tạo nên ngày, đêm, tháng hay mùa và năm.

- Như thế, trước kia mỗi dân tộc hay khu vực dùng một loại lịch riêng. Tuy nhiên, xã hội ngày càng phát triển, việc giao lưu, trao đổi giữa các dân tộc, khu vực ngày càng mở rộng. Điều đó đòi hỏi phải có cách tính thời gian thống nhất trên toàn thế giới. Vì thế, dựa vào các thành tựu khoa học, dương lịch đã được hoàn chỉnh để các dân tộc đều có thể sử dụng, đó là Công lịch. Công lịch lấy năm ra đời của chúa Giê-su (tương truyền là người sáng lập ra đạo Thiên Chúa) là năm đầu tiên của Công nguyên. Ngay trước năm đó là năm 1 trước Công nguyên (viết tắt là TCN). Muốn biết năm 2000 TCN cách chúng ta bao nhiêu năm thì lấy $2000 + 2021$ là 4021 năm.

- Ở đây có một chi tiết mà HS hay đặt câu hỏi: *Một thế kỉ hay thiên niên kỉ bắt đầu và kết thúc vào năm nào?* Ví dụ: Thế kỉ XX bắt đầu từ năm 1900 hay 1901 và kết thúc vào năm 1999 hay 2000? Thiên niên kỉ III bắt đầu từ năm 2000 hay 2001 và kết thúc vào năm 2999 hay 3000? Theo các nhà làm lịch, trong trục thời gian giữa TCN và CN không có số 0, chỉ có năm 1 TCN và năm 1 CN. Vì vậy, thông thường thế kỉ và thiên niên kỉ được tính như sau: Thế kỉ XX bắt đầu từ năm 1901 và kết thúc vào năm 2000, thiên niên kỉ III bắt đầu vào năm 2001 và kết thúc vào năm 3000.

c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

- GV nêu vấn đề: Có lẽ, cơ sở đầu tiên mà con người dùng để phân biệt thời gian là sáng và tối hay ngày và đêm. Từ đó, con người rút ra nhân tố đã dẫn đến sự khác nhau đó chính là chu kì quay của Mặt Trăng và Mặt Trời (lúc đầu con người lầm tưởng Mặt Trời quay quanh Trái Đất). Do nhận thức và nhu cầu thực tiễn cuộc sống mà con người đã nghĩ ra các cách làm lịch khác nhau, đó là âm lịch và dương lịch.

- Dựa vào gợi ý nội dung kênh hình, tư liệu ở trên, GV có thể giải thích đơn giản giúp HS hiểu được cách tính âm lịch và dương lịch, cũng như vai trò của các loại lịch trong đời sống.

- GV có thể mở rộng cho HS: Quan sát hình 1 kết hợp với hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi: *Người Việt Nam hiện nay đón tết Nguyên đán dựa theo loại lịch nào?* Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt thêm: Trên tờ lịch, ngoài ngày dương lịch còn ghi ngày âm lịch (thực chất là âm - dương lịch, một loại lịch được tính trên cơ sở vận động của Mặt Trăng quanh Trái Đất và của Trái Đất quanh Mặt Trời, đảm bảo tính chính xác hơn về chu kì thời tiết so với âm lịch. Ngoài ra, trên đó còn ghi ngày Quý Sửu, tháng Bính Thân, năm Tân Sửu là theo lịch Can Chi của Trung Quốc. Hệ Can Chi có 12 con giáp (Tý, Sửu, Dần, Mão,...) và 10 chi (Giáp, Ất, Bính, Đinh,...).

– GV có thể đặt câu hỏi cho HS trả lời: *Theo em, cách tính thời gian thống nhất trên toàn thế giới có cần thiết không? Vì sao?* từ đó nêu được lí do Công lịch ra đời.

– GV giải thích các khái niệm trước Công nguyên, thiên niên kỉ, thế kỉ,... và cách tính các mốc thời gian.

– GV có thể nêu ra những mốc thời gian cụ thể, ví dụ: *Năm 1500 TCN cách hiện nay bao nhiêu năm?...* để HS trả lời và rút ra quy tắc tính.

– GV có thể sử dụng câu hỏi ở hoạt động mở đầu để HS trả lời và chốt ý: Trên tờ lịch in ngày, tháng, năm của cả Công lịch và âm – dương lịch vì nước ta dùng đồng thời cả hai loại lịch.

Yêu cầu cần đạt: HS nêu được khái niệm về thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ,...; các cách tính thời gian và thực hành trong từng trường hợp cụ thể.

3. Luyện tập và vận dụng

Như định hướng trong các bài trước, chúng tôi chỉ đưa ra những gợi ý cho các câu hỏi vận dụng. Những câu hỏi ở mức độ biết và hiểu, GV hướng dẫn HS khai thác triệt để nội dung kiến thức trong SGK và định hướng của thầy/cô giáo là có thể giải quyết được.

Câu 1. Đây là bài luyện tập cách tính và quy đổi các mốc thời gian trong lịch sử. Việc luyện tập này là rất cần thiết. Ở đây có những thuật ngữ cần phân biệt: TCN, trước đây, cách ngày nay,... Khi nói: *5 000 năm trước đây thì cũng là cách đây 5 000 năm và là khoảng năm 3000 TCN.* Muốn biết 5 000 năm trước đây là vào năm bao nhiêu TCN thì ta lấy 5000 – 2021 sẽ ra là năm 2979 TCN.

Tương tự như vậy:

Khoảng thiên niên kỉ III TCN cách năm hiện tại (2021): $3000 + 2021 = 5021$ năm

Năm 208 TCN cách năm hiện tại (2021): $2021 + 208 = 2229$ năm

V TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Âm lịch:* là loại lịch được tìm ra dựa trên sự quan sát chu kì Mặt Trăng quay một vòng quanh Trái Đất. Mỗi chu kì trăng khuyết – tròn là một tháng. Người Xu-me ở Lưỡng Hà đã tính được độ dài của một tháng là 29,5 ngày. 12 chu kì trăng khuyết – tròn là một năm âm lịch. Các tháng lẻ 1, 3, 5,... 11 có 30 ngày (tháng đủ), còn các tháng chẵn có 29 ngày (tháng thiếu). Như thế năm âm lịch có: $29,5 \text{ ngày/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 354 \text{ ngày}$. Đây là loại lịch cổ nhất của những dân tộc sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi. Họ chỉ căn cứ vào vận động của Mặt Trăng xung quanh Trái Đất để tính năm, tháng.

– *Dương lịch:* Hình ảnh mô phỏng một chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và quanh mình nó. Trái Đất tự quay quanh mình nó một vòng hết gần 24 giờ, tạo ra ngày và đêm. Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo hình e-lip gần tròn. Thời gian Trái Đất chuyển động trọn một vòng quanh Mặt Trời là 365 ngày 5 giờ 48 phút 46 giây, lấy đơn vị thời gian này là một năm (năm thật, năm thiên văn). Để số lẻ như vậy không thuận lợi cho việc tính lịch, vì vậy người ta chỉ lấy số nguyên là 365 ngày. Như thế năm lịch ngắn hơn năm thật gần $1/4$ ngày và cứ 4 năm lại ngắn hơn một ngày. Sau một số năm thì lịch sẽ càng sai. Năm 45 TCN, Xê-da quyết định cho sửa dương lịch cũ ở La Mã, quyết định cứ 4

năm thì thêm một ngày để bù vào phần thiếu hụt đó, gọi là năm nhuận (366 ngày). Xê-da quy định một năm có 12 tháng, tháng lẻ có 31 ngày, tháng chẵn có 30 ngày. Như thế tính ra một năm không phải là 365 ngày mà là 366 ngày. Do đó, người ta cắt bớt một ngày của tháng 2 (tháng bất lợi với các tử tù đều bị hành quyết ở La Mã). Như thế tháng 2 chỉ còn 29 ngày. Sau này, Hoàng đế Ô-gu-xtut (sinh vào tháng 8 – tháng chẵn có 30 ngày) đã quyết định lấy một ngày của tháng 2 cho tháng 8 nên tháng 8 có 31 ngày và tháng 2 chỉ còn 28 ngày; sửa các tháng 9 và 11 có 31 ngày thành tháng có 30 ngày và các tháng 10, 12 từ 30 ngày thành 31 ngày. Những năm nhuận tháng 2 có 29 ngày. Còn các năm không nhuận thì cố định các ngày trong tháng như hiện nay.

Tuy nhiên, cách tính lịch này vẫn khiến năm thật ngắn hơn năm lịch 11 phút 44 giây. Như thế sau 384 năm, lịch lại chậm mất 3 ngày. Đến năm 325, loại lịch với cách tính một tuần có 7 ngày tương ứng với 7 thiên thể (Mặt Trời, Mặt Trăng và các hành tinh mà ngày nay vẫn được dùng ở các nước phương Tây) được áp dụng. Người ta lấy ngày 21-3 hằng năm là ngày lễ Phục sinh. Đến năm 1582, người ta phát hiện thấy vị trí Mặt Trời ở điểm Xuân phân, đáng lẽ ra phải là ngày 21-3 nhưng lịch mới là ngày 11-3, tức là chậm mất 10 ngày. Do vậy, từ đó về sau, cứ 400 năm lại bớt đi 3 ngày nhuận, ... Quy luật nhuận của dương lịch khiến độ dài bình quân của năm dương lịch gần với độ dài của năm thật (phải qua mấy nghìn năm mới chênh nhau 1 ngày). Do đó dương lịch đã phản ánh rất chính xác quy luật của khí hậu, thời tiết. Ngoài ra dương lịch lại đơn giản. Vì thế dương lịch dần trở thành loại lịch thông dụng trên thế giới mà hiện nay chúng ta đang sử dụng.

Âm – dương lịch: Để khắc phục nhược điểm của âm lịch, cách đây 2 600 năm, người Trung Quốc đã kết hợp cả hai vận động: vận động của Mặt Trăng quanh Trái Đất và vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời để tạo ra lịch. Đó là âm – dương lịch.

Âm – dương lịch lấy thời gian biến đổi của một tuần trăng làm độ dài của một tháng và bình quân là 29 ngày 12 giờ 44 phút. Tháng đủ có 30 ngày, tháng thiếu có 29 ngày. Một năm có 354 hoặc 355 ngày. Để độ dài của năm âm – dương lịch gần thống nhất với độ dài năm dương lịch, người ta đã đặt ra luật nhuận: năm nhuận có 13 tháng và cứ 19 năm có 7 năm nhuận. Theo quy luật nhuận này, giữa âm – dương lịch và dương lịch có sự trùng khớp kì diệu (6939,6 ngày theo dương lịch và 6939,55 ngày theo âm – dương lịch).